

Số: **59**/2013/QĐ-UBND

Đồng Tháp, ngày **27** tháng 12 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định một số chính sách khuyến khích ưu đãi đầu tư
trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề; y tế; văn hóa, thể thao;
môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 29/11/2005;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16/12/2002;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hoá đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề; y tế; văn hoá, thể thao; môi trường;

Căn cứ Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ, Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề; y tế; văn hóa, thể thao; môi trường ban hành kèm theo Quyết định 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ, về chính sách khuyến khích xã hội hoá đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề; y tế; văn hoá, thể thao; môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 145/2013/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2013 của Hội đồng nhân dân Tỉnh về Quy định một số chính sách khuyến khích ưu đãi đầu tư trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề; y tế; văn hóa, thể thao; môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số chính sách khuyến khích ưu đãi đầu tư trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề; y tế; văn hóa, thể thao; môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 21/2013/QĐ-UBND ngày 05/8/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Các chính sách khuyến khích ưu đãi tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 5 (ưu đãi về đất đai); Điều 6 (thuê nhà và cơ sở vật chất); khoản 1 và khoản 3 Điều 7 (chính sách tín dụng đầu tư, phí, lệ phí) của Quy định kèm theo Quyết định này được áp dụng kể từ ngày Nghị định 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ có hiệu lực.

- Giao cho Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư theo dõi việc thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giáo dục - Đào tạo, Lao động - Thương binh và Xã hội, Y tế, Văn hoá - Thể thao và Du lịch, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; Thủ trưởng các Sở, ban ngành tỉnh có liên quan và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (I + II);
- Cục KTVBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- TT/TU, TT/HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT/ UBND tỉnh;
- Các Ban Đảng, Đoàn thể tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Công TTĐT tỉnh, Công Báo Đồng Tháp;
- Lưu: VT + NC/KTN, VX, TH.tvt.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Minh Hoan

QUY ĐỊNH

Về một số chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong
lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề; y tế; văn hóa, thể thao;

môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

(Ban hành kèm theo Quyết định số 59/2013/QĐ-UBND,
ngày 27 tháng 12 năm 2013 của UBND tỉnh Đồng Tháp)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy định này quy định một số chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề; y tế; văn hoá, thể thao; môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

b) Các nội dung khác về chính sách khuyến khích xã hội hóa không quy định tại Quyết định này được thực hiện theo các quy định của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ, về chính sách khuyến khích xã hội hoá đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề; y tế; văn hoá, thể thao; môi trường; Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hoá đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề; y tế; văn hoá, thể thao; môi trường và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

Các đối tượng quy định dưới đây được hiểu là cơ sở thực hiện xã hội hoá:
bao gồm:

a) Các cơ sở ngoài công lập được thành lập và có đủ điều kiện hoạt động theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong các lĩnh vực xã hội hóa.

b) Các tổ chức, cá nhân hoạt động theo Luật Doanh nghiệp có các dự án đầu tư, liên doanh, liên kết hoặc thành lập các cơ sở hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa có đủ điều kiện hoạt động theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

c) Các cơ sở sự nghiệp công lập thực hiện góp vốn, huy động vốn, liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật thành lập các cơ sở hạch toán độc lập

Ghi chú: Theo khoản 2, điều 22 của ND 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 và khoản 1, điều 1 của ND 53/2010/NĐ-CP ngày 19/5/2010 của Chính phủ, quy định Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư:

- Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: H. Hồng Ngự, TX Hồng Ngự, Tân Hồng, Tam Nông, Tháp Mười.

- Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn: H. Cao Lãnh, Lai Vung, Lấp Vò, Châu Thành, Thanh Bình.

hoặc doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

d) Đối với các dự án đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực xã hội hóa: thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 2. Điều kiện được hưởng chính sách khuyến khích phát triển xã hội hóa

Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong các lĩnh vực: Giáo dục - đào tạo, dạy nghề; y tế; văn hoá, thể thao; môi trường phải thuộc danh mục loại hình và đáp ứng các tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn ban hành kèm theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008 và Quyết định 693/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ của Thủ tướng Chính phủ (*đính kèm Danh mục chi tiết*).

Điều 3. Địa bàn áp dụng chính sách ưu đãi đầu tư

1. Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: thị xã Hồng Ngự, huyện Hồng Ngự, huyện Tân Hồng, huyện Tam Nông, huyện Tháp Mười.
2. Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn: huyện Cao Lãnh, huyện Lai Vung, huyện Lấp Vò, huyện Châu Thành, huyện Thanh Bình.
3. Địa bàn ở thành phố Sa Đéc và thành phố Cao Lãnh.

Điều 4. Nguyên tắc thực hiện chính sách khuyến khích xã hội hóa

1. Cơ sở thực hiện xã hội hóa được thành lập, cấp phép hoạt động phải đảm bảo theo quy hoạch và đáp ứng các điều kiện được hưởng chính sách khuyến khích phát triển xã hội hoá được quy định tại Điều 2 Quy định này.
2. Nhà nước áp dụng mức ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp cho cơ sở thực hiện xã hội hóa để khuyến khích đầu tư tăng cường cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng dịch vụ.
3. Các cơ quan Nhà nước có trách nhiệm thực hiện chính sách hỗ trợ cho các đối tượng chính sách xã hội khi thụ hưởng các dịch vụ do cơ sở thực hiện xã hội hóa cung cấp; phương thức hỗ trợ thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.
4. Nhà nước thực hiện giao đất, cho thuê đất đã hoàn thành giải phóng mặt bằng đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; áp dụng chính sách hỗ trợ kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với các dự án đầu tư trong lĩnh vực xã hội hóa đã tự thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng.
5. Nhà nước, xã hội coi trọng và đối xử bình đẳng trong hoạt động cũng như đối với các sản phẩm và dịch vụ của cơ sở thực hiện xã hội hóa như cơ sở công lập. Các cơ sở thực hiện xã hội hóa được tham gia các dịch vụ công do nhà

Ghi chú: Theo khoản 2, điều 22 của ND 108/2006/ND-CP ngày 22/9/2006 và khoản 1, điều 1 của ND 53/2010/ND-CP ngày 19/5/2010 của Chính phủ, quy định Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư:

- Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: H. Hồng Ngự, TX Hồng Ngự, Tân Hồng, Tam Nông, Tháp Mười.

- Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn: H. Cao Lãnh, Lai Vung, Lấp Vò, Châu Thành, Thanh Bình.

nước tài trợ, đặt hàng; tham gia đấu thầu nhận các hợp đồng, dự án sử dụng nguồn vốn trong và ngoài nước phù hợp với chức năng nhiệm vụ hoạt động theo quy định của pháp luật.

6. Cơ sở thực hiện xã hội hóa được liên doanh, liên kết với các tổ chức trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật, nhằm huy động vốn, nhân lực và công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ.

7. Tài sản của cơ sở thực hiện xã hội hóa bao gồm tài sản của cá nhân, tập thể, tài sản của các cơ sở sự nghiệp công lập tham gia góp vốn khi thành lập và phần tài sản được hình thành trong quá trình hoạt động; trong đó tài sản được hiến, tặng hoặc viện trợ không hoàn lại trong quá trình hoạt động của cơ sở thực hiện xã hội hóa không được chia cho cá nhân, chỉ sử dụng chung cho lợi ích của cơ sở và cộng đồng.

8. Cơ sở y tế ngoài công lập, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực y tế có đủ điều kiện khám, chữa bệnh theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước về y tế, được phép tổ chức khám, chữa bệnh cho các đối tượng có thẻ bảo hiểm y tế và do người có thẻ bảo hiểm y tế tự lựa chọn nơi khám, chữa bệnh.

9. Trường hợp cơ sở thực hiện xã hội hóa ngừng hoạt động, hoặc phải giải thể theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì thực hiện trình tự, thủ tục giải thể, xử lý tài sản, tài chính theo quy định của pháp luật về giải thể đối với các tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã... có liên quan.

Chương II CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ

Điều 5. Về đất đai

Cơ sở thực hiện xã hội hóa nếu có nhu cầu về sử dụng đất sẽ được Ủy ban nhân dân tỉnh giao đất hoặc cho thuê đất đã hoàn thành giải phóng mặt bằng để xây dựng các công trình xã hội hóa theo các hình thức sau:

1. Giao đất không thu tiền sử dụng đất; cho thuê đất và miễn tiền thuê đất; giao đất có thu tiền sử dụng đất và được miễn tiền sử dụng đất để thực hiện các dự án xã hội hoá đầu tư ở địa bàn và thuộc các lĩnh vực như sau:

a) Đầu tư tại các địa bàn: thị xã Hồng Ngự, huyện Hồng Ngự, huyện Tân Hồng, huyện Tam Nông, huyện Tháp Mười; các xã thuộc các huyện: Cao Lãnh, Lai Vung, Lấp Vò, Châu Thành, Thanh Bình và các xã thuộc thành phố Sa Đéc, thành phố Cao Lãnh;

b) Đầu tư thuộc các lĩnh vực như: giáo dục mầm non tư thục, dạy nghề; môi trường; đầu tư xây dựng cơ sở cai nghiện ma túy, cai nghiện thuốc lá; thành lập cơ sở thực hiện vệ sinh phòng chống dịch bệnh; thành lập trung tâm lão khoa; xây dựng trung tâm đào tạo, huấn luyện thể thao thành tích cao, thể thao cho

Ghi chú: Theo khoản 2, điều 22 của ND 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 và khoản 1, điều 1 của ND 53/2010/NĐ-CP ngày 19/5/2010 của Chính phủ, quy định Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư:

- Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: H. Hồng Ngự, TX Hồng Ngự, Tân Hồng, Tam Nông, Tháp Mười.

- Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn: H. Cao Lãnh, Lai Vung, Lấp Vò, Châu Thành, Thanh Bình.

người tàn tật, cơ sở thể thao có thiết bị, phương tiện luyện tập và thi đấu đáp ứng yêu cầu tổ chức các giải thi đấu quốc tế.

c) Trường hợp được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất; cho thuê đất và miễn tiền thuê đất; giao đất có thu tiền sử dụng đất và được miễn tiền sử dụng đất nhưng cơ sở thực hiện xã hội hóa có nguyện vọng được thực hiện theo phương thức giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê để thực hiện dự án đầu tư (không thực hiện theo quy định miễn giảm tiền sử dụng đất) thì được thực hiện theo quy định hiện hành về thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê và được trừ chi phí bồi thường đất, hỗ trợ đất đã ứng trước (nếu có) vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp.

Trong trường hợp này cơ sở thực hiện xã hội hóa được tính giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị tài sản của dự án đầu tư và có các quyền và nghĩa vụ như tổ chức kinh tế được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật hiện hành về đất đai.

2. Riêng đối với đất đô thị, đất ở (việc phân loại đất đô thị, đất ở thực hiện theo quy định hiện hành của Trung ương và địa phương) được ưu đãi như sau:

a) Miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với các dự án xã hội hoá đầu tư thuộc các lĩnh vực như: giáo dục mầm non tư thục, dạy nghề; môi trường; đầu tư xây dựng cơ sở cai nghiện ma túy, cai nghiện thuốc lá; thành lập cơ sở thực hiện vệ sinh phòng chống dịch bệnh; thành lập trung tâm lão khoa; xây dựng trung tâm đào tạo, huấn luyện thể thao thành tích cao, thể thao cho người tàn tật, cơ sở thể thao có thiết bị, phương tiện luyện tập và thi đấu đáp ứng yêu cầu tổ chức các giải thi đấu quốc tế.

b) Giảm 70% tiền sử dụng đất, tiền thuê đất: đối với các dự án đầu tư xã hội hoá tại địa bàn ở các phường thuộc thành phố Sa Đéc và thành phố Cao Lãnh.

- Thời điểm giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất: xây dựng hoàn thành đưa dự án vào hoạt động;

- Giá đất để tính giảm tiền sử dụng đất: áp dụng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hàng năm;

- Đơn giá thuê đất được tính bằng 30% giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hàng năm.

c) Để khuyến khích các dự án đầu tư vào lĩnh vực giáo dục – đào tạo, y tế thuộc quy định tại khoản 2 Điều này, nếu đã hoàn thành các thủ tục theo quy định, đang xây dựng và hoàn thành, đưa vào sử dụng trước ngày 31 tháng 12 năm 2015 thì được miễn 100% tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

Ghi chú: Theo khoản 2, điều 22 của ND 108/2006/ND-CP ngày 22/9/2006 và khoản 1, điều 1 của ND 53/2010/ND-CP ngày 19/5/2010 của Chính phủ, quy định Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư:

- Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: H. Hồng Ngự, TX Hồng Ngự, Tân Hồng, Tam Nông, Tháp Mười.

- Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn: H. Cao Lãnh, Lai Vung, Lấp Vò, Châu Thành, Thanh Bình.

Trường hợp, Nhà đầu tư không thực hiện theo đúng cam kết thì dự án không được hưởng chính sách ưu đãi theo quy định tại khoản 2 Điều này.

3. Miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển hình thức từ thuê đất sang giao đất như sau:

a) Trường hợp người đang sử dụng đất được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng từ đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp, đất được Nhà nước giao không tiền sử dụng đất sang xây dựng công trình xã hội hoá thì dự án xã hội hoá đầu tư ở địa bàn đất đô thị mà phải xin phép chuyển mục đích sử dụng đất bằng hình thức giao đất hoặc thuê đất thì được miễn, giảm theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này;

b) Trường hợp dự án xã hội hoá mà chuyển hình thức từ thuê đất sang giao đất thì được miễn, giảm theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này. Giá trị tiền sử dụng đất để áp dụng tính miễn, giảm là tiền sử dụng đất của thời hạn sử dụng đất còn lại của dự án đầu tư;

c) Nhà nước không hoàn trả lại tiền sử dụng đất, tiền thuê đất mà Nhà đầu tư đã nộp vào ngân sách nhà nước khi thực hiện dự án thuộc diện ưu đãi xã hội hoá.

4. Trường hợp cơ sở thực hiện xã hội hóa đã ứng trước kinh phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư theo phương án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì số kinh phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư được Nhà nước hoàn trả sau khi dự án đầu tư thành, đưa vào sử dụng.

5. Khi được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất nhưng được miễn, giảm tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất được miễn tiền thuê đất, cơ sở thực hiện xã hội hóa không được tính giá trị miễn hoặc giảm đó vào giá trị tài sản của dự án đầu tư và không được dùng làm tài sản thế chấp để vay vốn.

Điều 6. Về nhà và cơ sở vật chất

1. Đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa nếu có nhu cầu thuê cơ sở vật chất do Nhà nước đang quản lý thì được giảm giá 30% đối với trường hợp trả tiền thuê nhà hàng năm. Trường hợp, trả 01 lần cho cả thời gian thuê thì được giảm giá 50% trên tổng giá trị hợp đồng thuê. Giá thuê được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại thời điểm hợp đồng thuê có hiệu lực và thời gian cho thuê theo quy định của Nhà nước.

2. Đối với các cơ sở công lập chuyển đổi sang hình thức hoạt động ngoài công lập được ưu đãi như sau:

a) Trường hợp nếu có nhu cầu được Nhà nước ưu tiên bán lại toàn bộ cơ sở vật chất đang quản lý sử dụng với mức ưu đãi giảm 30% giá bán được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại thời điểm bàn giao tài sản khi thực hiện quyết định chuyển đổi;

Ghi chú: Theo khoản 2, điều 22 của ND 108/2006/ND-CP ngày 22/9/2006 và khoản 1, điều 1 của ND 53/2010/ND-CP ngày 19/5/2010 của Chính phủ, quy định Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư:

- Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: H. Hồng Ngự, TX Hồng Ngự, Tân Hồng, Tam Nông, Tháp Mười.

- Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn: H. Cao Lãnh, Lai Vung, Lấp Vò, Châu Thành, Thanh Bình.

b) Đối với trường hợp có nhu cầu thuê lại toàn bộ cơ sở vật chất đơn vị đang quản lý sử dụng thì được hưởng ưu đãi như quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 7. Về chính sách tín dụng đầu tư, thuế, phí, lệ phí

1. Được Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét hỗ trợ 30% - 40% tiền lãi vay (tính trên số tiền được cho vay và mức lãi suất theo quy định của Bộ Tài chính về lãi suất cho vay tín dụng đầu tư của Nhà nước) trong vòng 3 – 5 năm đầu thực hiện dự án, tùy theo từng địa bàn có dự án đầu tư.

2. Cơ sở thực hiện xã hội hóa được miễn lệ phí trước bạ khi đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn với đất; được miễn các khoản phí, lệ phí khác liên quan đến quyền sử dụng đất, tài sản gắn với đất.

3. Đối với các cơ sở thực hiện xã hội hóa xây dựng nhà ở, cơ sở vật chất công trình xã hội hóa nằm trong các dự án khu đô thị đã được xây dựng cơ sở hạ tầng, trường hợp phải nộp chi phí xây dựng hạ tầng thì được **giảm 30%** chi phí xây dựng hạ tầng cho cơ sở thực hiện xã hội hóa trên tổng số tiền phải nộp.

Điều 8. Ưu đãi về thuế

Ngoài các ưu đãi bổ sung trên, các cơ sở thực hiện xã hội hóa còn được hưởng các ưu đãi khác về thuế theo quy định pháp luật hiện hành như sau:

1. Về thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời hạn hoạt động áp dụng đối với phần thu nhập của Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao và môi trường (gọi chung là *lĩnh vực xã hội hoá*);

b) Thời gian miễn thuế, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp

b.1. Doanh nghiệp thành lập mới trong lĩnh vực xã hội hoá thực hiện tại các huyện: Tháp Mười, Tam Nông, Tân Hồng, Hồng Ngự, thị xã Hồng Ngự, Châu Thành, Lai Vung, Lấp Vò, Cao Lãnh, Thanh Bình được miễn thuế 04 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo.

b.2. Doanh nghiệp thành lập mới trong lĩnh vực xã hội hoá thực hiện tại địa bàn thành phố Cao Lãnh và thành phố Sa Đéc được miễn thuế 04 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 05 năm tiếp theo.

b.3. Thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính liên tục từ năm đầu tiên doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư; trường hợp doanh nghiệp không có thu nhập chịu thuế trong ba năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án đầu tư thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ tư.

Trong năm tính thuế đầu tiên mà doanh nghiệp có thời gian hoạt động sản xuất, kinh doanh được miễn thuế, giảm thuế dưới 12 (mười hai) tháng, doanh

Ghi chú: Theo khoản 2, điều 22 của ND 108/2006/ND-CP ngày 22/9/2006 và khoản 1, điều 1 của ND 53/2010/ND-CP ngày 19/5/2010 của Chính phủ, quy định Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư:

- Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: H. Hồng Ngự, TX Hồng Ngự, Tân Hồng, Tam Nông, Tháp Mười.

- Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn: H. Cao Lãnh, Lai Vung, Lấp Vò, Châu Thành, Thanh Bình.

nghiệp được hưởng miễn thuế, giảm thuế ngay năm đó hoặc đăng ký với cơ quan thuế thời gian bắt đầu được miễn thuế, giảm thuế từ năm tính thuế tiếp theo.

2. Cơ sở thực hiện xã hội hóa được ưu đãi về thuế giá trị gia tăng, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và các quy định hiện hành khác.

Chương III HỖ TRỢ ĐẦU TƯ

Điều 9. Hỗ trợ bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư

Trung tâm Phát triển Quỹ Nhà đất tỉnh, Trung tâm Phát triển Quỹ đất của các huyện, thị xã, thành phố thực hiện công tác giải phóng mặt bằng trước khi giao đất, cho thuê đất theo quy hoạch cho cơ sở thực hiện xã hội hóa; chịu trách nhiệm thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư đối với quỹ đất phục vụ hoạt động xã hội hóa. Kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm của các cơ quan nhà nước

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Định hướng xã hội hóa trong quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trình cấp có thẩm quyền phê duyệt làm căn cứ cho các ngành, các đơn vị triển khai nhiệm vụ chuyên môn;

b) Chủ trì phối hợp với các Sở, ngành, địa phương (nơi triển khai thực hiện dự án) tổ chức thẩm định dự án, trình Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư cho các cơ sở thực hiện hoạt động trong lĩnh vực xã hội hóa;

c) Chủ trì thẩm tra hoặc phối hợp với các Sở, ngành, địa phương (nơi triển khai thực hiện dự án) tổ chức thẩm tra hồ sơ và các mức ưu đãi đầu tư về đất đai, nhà và cơ sở vật chất, tín dụng đầu tư, trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp Giấy chứng nhận đầu tư dự án và quyết định các mức ưu đãi đầu tư cho cơ sở thực hiện hoạt động trong lĩnh vực xã hội hóa;

d) Hướng dẫn cụ thể việc lựa chọn nhà đầu tư theo phương thức đấu thầu khi có từ hai nhà đầu tư cùng đăng ký một địa điểm để thực hiện dự án xã hội hóa, theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

đ) Phối hợp với Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính bố trí vốn ngân sách Trung ương thực hiện cơ chế hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách địa phương (mức hỗ trợ

Ghi chú: Theo khoản 2, điều 22 của ND 108/2006/ND-CP ngày 22/9/2006 và khoản 1, điều 1 của ND 53/2010/ND-CP ngày 19/5/2010 của Chính phủ, quy định Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư:

- Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: H. Hồng Ngự, TX Hồng Ngự, Tân Hồng, Tam Nông, Tháp Mười.

- Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn: H. Cao Lãnh, Lai Vung, Lấp Vò, Châu Thành, Thanh Bình.

bằng 50%) để thực hiện nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư đối với quỹ đất phục vụ hoạt động xã hội hóa. Đồng thời, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định việc sử dụng nguồn thu sử dụng đất, nguồn thu xổ số đã được để lại, nguồn ngân sách địa phương để đảm bảo phần kinh phí còn lại.

2. Sở Tài chính

a) Hướng dẫn cơ sở thực hiện xã hội hoá về trình tự, thủ tục được hưởng chính sách ưu đãi về nhà, cơ sở vật chất và lập dự toán kinh phí, thanh quyết toán kinh phí để được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước phù hợp theo quy định;

b) Cân đối nguồn kinh phí thực hiện hỗ trợ các cơ sở thực hiện xã hội hoá, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định;

c) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện quy định tại mục d, khoản 1 của Điều này.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường

Phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn về hồ sơ, trình tự và thủ tục giao đất, cho thuê đất; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trong việc lập, thẩm định, xét duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.

4. Sở Xây dựng

Hướng dẫn lập, xét duyệt quy hoạch xây dựng chi tiết các dự án xã hội hóa theo quy định.

5. Cục Thuế tỉnh

Chỉ đạo và hướng dẫn Chi cục thuế các huyện, thị xã, thành phố trong công tác đăng ký kê khai thu nộp và quyết toán thuế cho cơ sở thực hiện xã hội hóa, báo cáo tình hình ưu đãi về thuế đối với các cơ sở thực hiện xã hội hóa theo quy định.

6. Các Sở: Giáo dục - Đào tạo, Lao động - Thương binh và Xã hội, Y tế, Văn hoá - Thể thao và Du lịch, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng:

a) Căn cứ vào Nghị định 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ; Quyết định 1466/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008, Quyết định 693/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ và các quy định hiện hành hướng dẫn cụ thể về tiêu chuẩn, điều kiện thành lập của các cơ sở thực hiện xã hội hóa và thứ tự ưu tiên trong danh mục xã hội hóa cho phù hợp với từng giai đoạn và điều kiện thực tế của tỉnh;

b) Chịu trách nhiệm tổ chức hướng dẫn, triển khai thực hiện chính sách xã hội hóa thuộc lĩnh vực quản lý. Hướng dẫn cơ sở thực hiện xã hội hóa đăng ký

Ghi chú: Theo khoản 2, điều 22 của NĐ 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 và khoản 1, điều 1 của NĐ 53/2010/NĐ-CP ngày 19/5/2010 của Chính phủ, quy định Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư:

- Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: H. Hồng Ngự, TX Hồng Ngự, Tân Hồng, Tam Nông, Tháp Mười.

- Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn: H. Cao Lãnh, Lai Vung, Lấp Vò, Châu Thành, Thanh Bình.

nội dung hoạt động, trình tự thủ tục thực hiện, kiểm tra giám sát hoạt động xã hội hóa;

c) Xây dựng đề án chuyển các đơn vị công lập sang ngoài công lập trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

d) Xây dựng kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu thực hiện nhiệm vụ xã hội hóa cho các cơ sở thực hiện xã hội hóa thuộc lĩnh vực quản lý trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định;

đ) Định kỳ hàng năm, tổng hợp tình hình thực hiện xã hội hóa thuộc lĩnh vực quản lý toàn tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh gửi các Bộ chuyên ngành trước ngày 31 tháng 01 năm sau theo quy định, đồng gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư và Cục Thống kê tỉnh;

e) Phối hợp với các cơ quan liên quan tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ, xử lý vi phạm đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa trong quá trình hoạt động;

g) Các cơ sở thực hiện xã hội hóa hoạt động có sai phạm nghiêm trọng phải đình chỉ hoạt động, giải thể các cơ sở xã hội hoá và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về các quyết định của mình;

h) Thực hiện nhiệm vụ giám sát, kiểm tra đối với các cơ sở thực hiện xã hội hoá trong việc quản lý sử dụng đất đai đúng mục tiêu, hiệu quả; thực hiện xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

7. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

a) Phối hợp với các Sở liên quan xây dựng và trình phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cho nhu cầu xã hội hóa đối với hoạt động trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề; y tế; văn hóa, thể thao; môi trường;

b) Công bố công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất dành cho các lĩnh vực xã hội hóa đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Chỉ đạo việc triển khai, theo dõi, quản lý cơ sở thực hiện xã hội hóa thuộc phạm vi quản lý;

d) Định kỳ hàng năm, tổng hợp tình hình thực hiện xã hội hóa thuộc phạm vi quản lý gửi về các Sở chuyên ngành trước ngày 15 tháng 01 năm sau, để tổng hợp báo cáo gửi Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 11. Trách nhiệm của cơ sở thực hiện xã hội hóa

Các cơ sở thực hiện xã hội hóa ngoài việc chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan, còn thực hiện các quy định sau đây:

1. Tổ chức triển khai dự án đúng tiến độ đã cam kết, sau 12 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư mà không triển khai hoặc dự án chậm tiến độ quá 24 tháng so với tiến độ ghi trong dự án đầu tư mà cơ sở thực hiện xã

Ghi chú: Theo khoản 2, điều 22 của ND 108/2006/ND-CP ngày 22/9/2006 và khoản 1, điều 1 của ND 53/2010/ND-CP ngày 19/5/2010 của Chính phủ, quy định Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư:

- Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: H. Hồng Ngự, TX Hồng Ngự, Tân Hồng, Tam Nông, Tháp Mười.

- Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn: H. Cao Lãnh, Lai Vung, Lấp Vò, Châu Thành, Thanh Bình.

hội hóa không có lý do chính đáng được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận thì Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ thu hồi dự án theo quy định của pháp luật.

2. Không được tự ý chuyển nhượng đất đã được Nhà nước giao để thực hiện dự án xã hội hóa. Trường hợp, được Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép chuyển nhượng thì phải đảm bảo việc sử dụng sau chuyển nhượng không làm thay đổi mục đích sử dụng đất phục vụ hoạt động xã hội hóa.

3. Tuân thủ theo điều lệ hoạt động, bảo đảm các điều kiện về chuyên môn, nghiệp vụ, nhân lực, cơ sở vật chất theo quy định của pháp luật để cung cấp cho xã hội các sản phẩm, dịch vụ đạt yêu cầu, tiêu chuẩn về nội dung và chất lượng.

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc đề nghị các cơ quan đơn vị, các cơ sở thực hiện xã hội hoá và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố phản ánh về Sở Kế hoạch và Đầu tư để kịp thời tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Minh Hoan

Ghi chú: Theo khoản 2, điều 22 của ND 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 và khoản 1, điều 1 của ND 53/2010/NĐ-CP ngày 19/5/2010 của Chính phủ, quy định Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư:

- Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: H. Hồng Ngự, TX Hồng Ngự, Tân Hồng, Tam Nông, Tháp Mười.

- Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn: H. Cao Lãnh, Lai Vung, Lấp Vò, Châu Thành, Thanh Bình.



DANH MỤC LOẠI HÌNH, TIÊU CHÍ QUY MÔ, TIÊU CHUẨN CỦA CÁC CƠ SỞ THEO QUYẾT ĐỊNH 1466/QĐ-TTg NGÀY 10/10/2008 VÀ QUYẾT ĐỊNH 693/QĐ-TTg NGÀY 06/5/2013 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Kế hoạch Quyết định số

59

/2013/QĐ-UBND ngày

27/12/2013 của UBND tỉnh Đồng Tháp

I. DANH MỤC LOẠI HÌNH, TIÊU CHÍ QUY MÔ, TIÊU CHUẨN CỦA CÁC CƠ SỞ THỰC HIỆN XÃ HỘI HÓA TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC

A. ĐỐI VỚI GIÁO DỤC MẦM NON, PHỔ THÔNG

Cơ sở giáo dục	Quy mô tối thiểu	Số trẻ, học sinh tối đa/1 lớp, nhóm trẻ	Diện tích đất tối thiểu	Tiêu chuẩn	Điều kiện để được ưu đãi
Thành phố, thị xã	100 trẻ	3-12 tháng tuổi: 15 trẻ	8 m ² /trẻ	Điều lệ trường mầm non theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07 tháng 4 năm 2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Thẩm định thành lập, định kỳ kiểm tra
		13-24 tháng tuổi: 20 trẻ 25-36 tháng tuổi: 25 trẻ			
Nông thôn, miền núi	50 trẻ	3-4 tuổi: 25 trẻ	12 m ² /trẻ		Đảm bảo huy động ổn định ít nhất 3 năm. Hàng năm huy động tối thiểu đạt 100 trẻ
		4-5 tuổi: 30 trẻ			
		5-6 tuổi: 35 trẻ			
Trường tiểu học				Điều lệ trường tiểu học theo Quyết định số 51/2007/QĐ-BGDĐT ngày 31 tháng 8 năm 2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Thẩm định thành lập, định kỳ kiểm tra.
Thành phố, thị xã	10 lớp	35	6 m ² /học sinh		Đảm bảo nhập học ổn định ít nhất 4 năm. Hàng năm

Cơ sở giáo dục	Quy mô tối thiểu	Số trẻ, học sinh tối đa/1 lớp, nhóm trẻ	Diện tích đất tối thiểu	Tiêu chuẩn	Điều kiện để được ưu đãi
Nông thôn, miền núi	5 lớp	35	10 m ² /học sinh		nhập học tối thiểu là 4 lớp
Trường trung học cơ sở				Điều lệ trường trung học cơ sở theo Quyết định số 07/2007/QĐ-BGDĐT ngày 02 tháng 4 năm 2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Thẩm định thành lập, định kỳ kiểm tra
Thành phố, thị xã	8 lớp	45	6 m ² /học sinh		Đảm bảo nhập học ổn định ít nhất 4 năm. Hàng năm nhập học tối thiểu là 4 lớp
Nông thôn, miền núi	4 lớp	45	10 m ² /học sinh		Đảm bảo nhập học ổn định ít nhất 4 năm. Hàng năm nhập học tối thiểu là 2 lớp
Trường trung học phổ thông				Điều lệ trường trung học phổ thông theo Quyết định số 07/2007/QĐ-BGDĐT ngày 02 tháng 4 năm 2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Thẩm định thành lập, định kỳ kiểm tra
Thành phố, thị xã	6 lớp	45	6 m ² /học sinh		Đảm bảo nhập học ổn định ít nhất 3 năm. Hàng năm nhập học tối thiểu đạt 4 lớp
Nông thôn, miền núi	3 lớp	45	10 m ² /học sinh		Đảm bảo nhập học ổn định ít nhất 3 năm. Hàng năm nhập học tối thiểu đạt 2 lớp

B. ĐỐI VỚI ĐÀO TẠO NGHỀ NGHIỆP

Cơ sở đào tạo	Quy mô tối thiểu	Tỷ lệ tối đa học sinh, sinh viên /giảng viên cơ hữu	Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo tối thiểu	Tiêu chuẩn	Điều kiện khác
<p>Trường trung cấp chuyên nghiệp</p> <p>Dự án thành lập mới</p>	<p>200 học sinh chính quy</p>	<p>- Nhóm trường Y-được: 25 học sinh/1 giảng viên; - Nhóm trường Nghệ thuật, Thể dục thể thao: 20 học sinh/ 1 giảng viên; - Các trường khác: 30 học sinh/1 giảng viên.</p>	<p>Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo tối thiểu 1,5 m²/1 sinh viên</p>	<p>Điều lệ trường trung cấp chuyên nghiệp tại Thông tư số 54/2011/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.</p>	<p>Định kỳ kiểm tra. Đảm bảo tuyển sinh ổn định ít nhất 3 năm. Hàng năm tuyển sinh tối thiểu 100 sinh viên</p>
<p>Trường cao đẳng</p> <p>Dự án thành lập mới</p>			<p>Theo cam kết thực hiện của Đề án thành lập được duyệt.</p>	<p>Điều lệ trường cao đẳng tại Thông tư số 14/2009/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.</p>	<p>- Quyết định phê duyệt chủ trương cho phép thành lập trường cao đẳng của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. - Trong vòng 03 năm kể từ khi Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép hoạt động đào tạo đối với trường cao đẳng, Trường phải đáp ứng các tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa đối với trường cao đẳng được phép hoạt động đào tạo.</p>

Cơ sở đào tạo	Trường được phép hoạt động đào tạo	Quy mô tối thiểu	Tỷ lệ tối đa học sinh, sinh viên /giảng viên cơ hữu	Diện tích sân xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo tối thiểu	Tiêu chuẩn	Điều kiện khác
		300 sinh viên chính quy	<ul style="list-style-type: none"> Nhóm trưởng Y-dược: 20 sinh viên/1 giảng viên; Nhóm trưởng Nghệ thuật, Thẻ dực thẻ thao: 15 sinh viên 1 giảng viên; Các trường khác: 30 sinh viên/ 1 giảng viên. 	<ul style="list-style-type: none"> Diện tích sân xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo tối thiểu 2m²/1 sinh viên 	<ul style="list-style-type: none"> Điều lệ trường cao đẳng tại Thông tư số 14/2009/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. 	<ul style="list-style-type: none"> Định kỳ kiểm tra. Đảm bảo tuyển sinh ổn định ít nhất 3 năm. Hàng năm tuyển sinh tối thiểu 100 sinh viên
Trường đại học	Dự án thành lập mới	300 sinh viên chính quy	<ul style="list-style-type: none"> Nhóm trưởng Y-Dược: 15 sinh viên/1 giảng viên; Nhóm trưởng Nghệ thuật, Thẻ dực thẻ thao: 10 sinh viên/ 1 giảng viên; Các trường khác: 25 sinh viên/ 1 giảng viên. 	<ul style="list-style-type: none"> Theo cam kết thực hiện của Đề án thành lập được duyệt. 	<ul style="list-style-type: none"> Điều lệ trường đại học tại Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ. 	<ul style="list-style-type: none"> Văn bản phê duyệt chủ trương cho phép thành lập trường đại học của Thủ tướng Chính phủ. Trong vòng 03 năm kể từ khi Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép hoạt động đào tạo đối với trường đại học, Trường phải đáp ứng các tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa đối với trường đại học được phép hoạt động đào tạo
	Trường được phép hoạt động đào tạo			<ul style="list-style-type: none"> Diện tích sân phục vụ đào tạo tối thiểu 2m²/1 sinh viên 	<ul style="list-style-type: none"> Điều lệ trường đại học tại Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ. 	<ul style="list-style-type: none"> Thẩm định thành lập, định kỳ kiểm tra. Đảm bảo tuyển sinh ổn định ít nhất 3 năm. Hàng năm tuyển sinh tối thiểu 200 sinh viên

C. ĐỐI VỚI CÁC CƠ SỞ CUNG CẤP DỊCH VỤ PHỤC VỤ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO

Đơn vị/vùng, miền	Các tiêu chí phải đạt			Điều kiện
	Quy mô	Pháp lý	Tiêu chuẩn	
1. Cơ sở dịch vụ ăn uống cho học sinh, sinh viên				
a) Miền núi và nông thôn	- Đáp ứng từ 50 học sinh phổ thông nội trú, 80 học sinh trung cấp chuyên nghiệp, 100 sinh viên đại học và cao đẳng trở lên.	- Thành lập theo quy định của pháp luật. Có tư cách pháp nhân đầy đủ. - Có đăng ký hoạt động tại cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.	- Sử dụng lao động làm việc không có bệnh nguy hiểm, bệnh truyền nhiễm, bệnh kinh niên. - Đảm bảo các tiêu chuẩn vệ sinh dịch tễ, an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.	Hoạt động trong khuôn viên nhà trường
	b) Thành phố, thị xã	- Đáp ứng từ 80 học sinh phổ thông nội trú, 100 học sinh trung cấp chuyên nghiệp, 150 sinh viên đại học và cao đẳng trở lên.	- Có điều lệ tổ chức hoạt động minh bạch và phù hợp với tôn chỉ, mục đích của đơn vị hoạt động cung ứng dịch vụ công cộng.	- Chịu sự kiểm tra, giám sát thường xuyên về vệ sinh thực phẩm của cơ quan y tế.
2. Cơ sở dịch vụ nhà ở cho học sinh, sinh viên				
a) Miền núi và nông thôn	- Đáp ứng từ 30 học sinh phổ thông nội trú, 50 học sinh trung cấp chuyên nghiệp, 80 sinh viên đại học và cao đẳng trở lên.	- Thành lập theo quy định của pháp luật. Có tư cách pháp nhân đầy đủ. - Có đăng ký hoạt động tại cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.	- Đảm bảo đúng diện tích về đất, tiêu chuẩn xây dựng nhà ở cho học sinh, sinh viên theo quy định của Bộ Xây dựng.	Cơ sở ký túc xá nằm trong khuôn viên của trường hoặc nằm ngoài khuôn viên của trường nhưng trong quy hoạch của cơ quan có thẩm quyền làm khu ký túc xá tập trung, có Giấy phép đăng ký kinh doanh về dịch vụ nhà ở cho sinh viên.
	b) Thành phố, thị xã	- Đáp ứng từ 50 học sinh phổ thông nội trú, 80 học sinh trung cấp chuyên nghiệp, 100 sinh viên đại học và cao đẳng trở lên.	- Có điều lệ tổ chức hoạt động minh bạch và phù hợp	- Đảm bảo các tiêu chuẩn

Đơn vị/vùng, miền	Các tiêu chí phải đạt			Điều kiện
	Quy mô	Pháp lý	Tiêu chuẩn	
	trở lên.	với tôn chỉ, mục đích của đơn vị hoạt động cung ứng dịch vụ công cộng.	về an ninh, trật tự xã hội: phòng cháy và chữa cháy; cấp cứu theo quy định của các cấp có thẩm quyền ban hành.	
3. Trung tâm kiểm định chất lượng đào tạo (đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, dạy nghề và giáo dục phổ thông)	- Có 10 người làm việc trở lên	- Được thành lập theo quy định của pháp luật. - Có đăng ký hoạt động tại cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.	- Người lao động được đào tạo về kiểm định và phù hợp về trình độ chuyên môn theo quy định chức danh của các lĩnh vực đảm bảo kiểm định. - Sử dụng bộ tiêu chí kiểm định đảm bảo tính pháp lý. - Chịu kiểm tra, giám sát của cơ quan chuyên môn.	
4. Trung tâm hỗ trợ đào tạo và cung ứng nguồn nhân lực	- Có 20 người làm việc trở lên	- Được thành lập theo quy định của pháp luật. - Có đăng ký hoạt động tại cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.	- 100% lao động đã qua đào tạo và phù hợp về trình độ, chuyên môn theo các lĩnh vực hỗ trợ và cung ứng. - Đảm bảo các tiêu chí về đất đai, trang thiết bị, diện tích xây dựng theo quy định của cấp có thẩm quyền ban hành áp dụng đối với từng loại quy mô.	
5. Cơ sở đầu tư hạ tầng giáo dục và đào tạo		- Có Điều lệ hoạt động minh bạch và phù hợp với tôn chỉ, mục đích của đơn vị dịch vụ công.		

Đơn vị/vùng, miền	Các tiêu chí phải đạt			Điều kiện
	Quy mô	Pháp lý	Tiêu chuẩn	
a) Miền núi và nông thôn	- Có từ 30 lao động trở lên	- Được thành lập và hoạt động trong khuôn khổ quy định của pháp luật; - Có đăng ký hoạt động tại cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.	- Ít nhất 50% số lao động đã qua đào tạo. - Giá trị dự án đầu tư từ 2 tỷ đồng Việt Nam trở lên. - Ít nhất 70% số lao động đã qua đào tạo. - Giá trị dự án đầu tư từ 5 tỷ đồng Việt Nam trở lên.	
b) Thành phố và thị xã	- Có từ 50 lao động trở lên	- Được thành lập theo quy định của pháp luật. - Có đăng ký hoạt động tại cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.	- Giá trị sản lượng sản xuất từ 1,5 tỷ đồng Việt Nam trở lên/1 năm. - Hoạt động ổn định ít nhất trong 3 năm	
6. Cơ sở sản xuất trang, thiết bị trường học và đồ chơi trẻ em				

II. DANH MỤC LOẠI HÌNH, TIÊU CHÍ QUY MÔ, TIÊU CHUẨN CỦA CÁC CƠ SỞ THỰC HIỆN XÃ HỘI HÓA TRONG LĨNH VỰC DẠY NGHỀ

Loại hình	Quy hoạch mạng lưới	Quy mô đào tạo tối thiểu	Cơ sở vật chất, trang thiết bị	Diện tích đất sử dụng tối thiểu	Tiêu chuẩn thiết kế	Số lượng nghề đào tạo	Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên
Cao đẳng nghề	Phù hợp với quy hoạch mạng lưới cơ sở dạy nghề của cả nước trong từng thời kỳ và quy hoạch, kế hoạch phát triển mạng lưới các cơ sở dạy nghề của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan Trung ương của các Tổ chức chính trị - xã hội, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Đối với các trường cao đẳng nghề, trung cấp nghề, trung tâm dạy nghề trực thuộc các Bộ, cơ quan Trung ương của các Tổ chức chính trị - xã hội phải có văn bản chấp thuận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi cơ sở dạy nghề đặt trụ sở chính	200 học sinh, sinh viên	Có cơ sở vật chất, trang thiết bị phù hợp với ngành nghề, quy mô và trình độ đào tạo	20.000 m ² đối với khu vực đô thị, 40.000 m ² đối với khu vực ngoài đô thị	Được thiết kế xây dựng theo Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam TCXD VN 60: 2003 “Trường dạy nghề - Tiêu chuẩn thiết kế” được ban hành kèm theo Quyết định số 21/2003/QĐ-BXD ngày 28 tháng 7 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng	Số lượng nghề đào tạo ở trình độ cao đẳng nghề tối thiểu là 3 nghề	Có đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đạt tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật
Trung cấp nghề		100 học sinh	10.000 m ² đối với khu vực đô thị, 30.000 m ² đối với khu vực ngoài đô thị	Diện tích phòng học lý thuyết tối thiểu đạt 1,3m ² /01 học sinh quy đổi; diện tích cơ sở thực hành tối thiểu đạt 2,5 m ² /01 học sinh quy đổi;	Có chương trình dạy nghề theo quy định		
Trung tâm dạy nghề		50 học sinh		10.000 m ² đối với khu vực đô thị, 2.000 m ² đối với khu vực ngoài đô thị			

III. DANH MỤC LOẠI HÌNH, TIÊU CHÍ QUY MÔ, TIÊU CHUẨN CỦA CÁC CƠ SỞ THỰC HIỆN XÃ HỘI HÓA TRONG LĨNH VỰC Y TẾ.

A. DANH MỤC LOẠI HÌNH, QUY MÔ, TIÊU CHÍ VỀ TIÊU CHUẨN KHUYẾN KHÍCH XÃ HỘI HÓA TRONG LĨNH VỰC Y TẾ

1. Cơ sở khám, chữa bệnh:

1.1. Bệnh viện, viện có giường bệnh, cơ sở điều dưỡng và phục hồi chức năng:

1.1.1. Loại hình, quy mô:

(a) Bệnh viện đa khoa: quy mô từ 31 giường bệnh trở lên; riêng đối với các cơ sở tại Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng phải có quy mô từ 100 giường bệnh trở lên.

(b) Bệnh viện chuyên khoa: Quy mô từ 21 giường bệnh trở lên; Riêng đối với các cơ sở tại Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng phải có quy mô từ 500 giường bệnh trở lên.

c. Riêng đối với loại hình cơ sở bảo trợ xã hội do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý, các tiêu chí về quy mô, tiêu chuẩn của cơ sở bảo trợ xã hội áp dụng theo quy định dưới đây:

Loại hình	Quy hoạch mạng lưới	Quy mô chăm sóc, nuôi dưỡng tối thiểu	Cơ sở vật chất, trang thiết bị	Diện tích đất sử dụng tối thiểu	Tiêu chuẩn thiết kế	Số lượng cán bộ, nhân viên/đối tượng	Đội ngũ cán bộ, nhân viên
Cơ sở Bảo trợ xã hội	Phù hợp với Quy hoạch mạng lưới trợ giúp xã hội của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Từ 10 giường trở lên	1. Cơ sở bảo trợ xã hội phải đặt tại địa điểm thuận tiện về tiếp cận giao thông, trường học, bệnh viện, không khí trong lành có lợi cho sức khỏe của đối tượng; có điện, nước sạch phục vụ cho sinh hoạt.	1. Diện tích đất tự nhiên: Bình quân 30m ² /đối tượng ở khu vực nông thôn, 10m ² /đối tượng ở khu vực thành thị. 2. Diện tích phòng ở của đối tượng bình quân	Các công trình, các trang thiết bị phải bảo đảm cho người tàn tật, người cao tuổi	1. Cán bộ, nhân viên chăm sóc trực tiếp các đối tượng: a) Trẻ em: - Trẻ em dưới 18 tháng tuổi: 1 nhân viên chăm sóc 1 trẻ em. - Trẻ em từ 18 tháng tuổi đến dưới 6 tuổi: + Trẻ em bình thường: 1 nhân viên chăm sóc 5 đến 6 em. + Trẻ em tàn tật, tâm thần, nhiễm HIV: 1 nhân viên chăm sóc 3 đến 4 em. - Trẻ em từ 6 tuổi đến dưới 16 tuổi: + Trẻ em bình thường: 1 nhân viên chăm sóc 8 đến 10 em. + Trẻ em tàn tật, tâm thần, nhiễm HIV: nhân viên chăm sóc 4 đến 5 em.	Có đội ngũ cán bộ, viên chức, nhân viên đạt tiêu chuẩn theo

Loại hình	Quy hoạch mạng lưới	Quy mô chăm sóc, nuôi dưỡng tối thiểu	Cơ sở vật chất, trang thiết bị	Diện tích đất sử dụng tối thiểu	Tiêu chuẩn thiết kế	Số lượng cán bộ, nhân viên/đối tượng	Đội ngũ cán bộ, nhân viên
		<p>2. Đối với cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc, nuôi dưỡng từ 25 đối tượng trở lên phải có khu nhà ở, khu bếp, khu làm việc của cán bộ nhân viên, khu vui chơi giải trí, hệ thống cấp, thoát nước, điện, đường đi nội bộ; khu sản xuất và lao động trị liệu (nếu có điều kiện).</p> <p>3. Đối với cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc, nuôi dưỡng từ 10 đến dưới 25 đối tượng phải đảm bảo điều kiện cơ bản về nhà ở, nhà bếp, nhà làm việc của cán bộ nhân viên, điện, nước phục vụ sinh hoạt hàng ngày.</p>	<p>6m²/đối tượng.</p> <p>3. Đối với đối tượng phải chăm sóc 24/24 giờ một ngày, diện tích phòng ở bình quân 8 m²/đối tượng.</p> <p>Phòng ở phải được trang bị đồ dùng cần thiết phục vụ cho sinh hoạt hàng ngày của đối tượng.</p>	<p>và trẻ em tiếp cận và sử dụng thuận tiện</p> <p>b) Người tàn tật: - Người tàn tật còn tự phục vụ được: 1 nhân viên chăm sóc 8 đến 10 đối tượng. - Người tàn tật không tự phục vụ được: 1 nhân viên chăm sóc 3 đến 4 đối tượng.</p> <p>c) Người cao tuổi: - Người cao tuổi còn tự phục vụ được: 1 nhân viên chăm sóc 8 đến 10 đối tượng. - Người cao tuổi không tự phục vụ được: 1 nhân viên chăm sóc 3 đến 4 đối tượng.</p> <p>d) Người tâm thần: - Người tâm thần nặng (Kích động, sa sút giai đoạn cuối): 1 nhân viên chăm sóc 2 đối tượng. - Người tâm thần đã thuyên giảm: 1 nhân viên chăm sóc 3 đến 4 đối tượng. - Người tâm thần đã phục hồi: 1 nhân viên chăm sóc 8 đến 10 đối tượng.</p> <p>e) Người lang thang: 1 nhân viên quản lý 10 đến 12 người (định mức này sử dụng cho các đợt tiếp nhận người lang thang vào cơ sở chờ phân loại, đưa về địa phương).</p> <p>2. Cán bộ, nhân viên làm công tác dinh dưỡng bao gồm tiếp phẩm, nấu ăn: 1 nhân viên phục vụ 20 đối tượng.</p> <p>3. Cán bộ, nhân viên làm công tác phục hồi chức năng, dạy văn hóa, dạy nghề:</p>	<p>quy định của pháp luật hiện hành</p>		

Loại hình	Quy hoạch mạng lưới	Quy mô chăm sóc, nuôi dưỡng tối thiểu	Cơ sở vật chất, trang thiết bị	Diện tích đất sử dụng tối thiểu	Tiêu chuẩn thiết kế	Số lượng cán bộ, nhân viên/đối tượng	Đội ngũ cán bộ, nhân viên
						<p>a) 01 kỹ thuật viên hướng dẫn phục hồi chức năng cho 5 đối tượng đối với cơ sở bảo trợ xã hội có nhiệm vụ phục hồi chức năng cho đối tượng.</p> <p>b) 01 giáo viên dạy đối tượng đối với cơ sở có nhiệm vụ tổ chức dạy văn hóa, dạy nghề cho đối tượng.</p> <p>4. Cán bộ, nhân viên gián tiếp: Tối đa không quá 20% tổng số cán bộ công nhân viên cơ sở bảo trợ xã hội.</p>	

1.1.2. Tiêu chí về các tiêu chuẩn đối với cơ sở khám, chữa bệnh:

(a) Về nhân lực: theo quy định của cấp có thẩm quyền ban hành. (Hiện nay đang áp dụng theo Thông tư liên tịch số 08/2007/TTLT-BYT-BNV ngày 05 tháng 6 năm 2007 của Bộ Y tế và Bộ Nội vụ).

(b) Tiêu chí về đất, diện tích xây dựng, trang thiết bị y tế:

- Đất và diện tích xây dựng: theo quy định của cấp có thẩm quyền ban hành áp dụng đối với từng quy mô (hiện nay đang theo Quyết định số 18/2007/QĐ-BXD ngày 15 tháng 5 năm 2007 của Bộ Xây dựng về việc ban hành tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam: TCXDVN 365:2007 “Bệnh viện đa khoa – Hướng dẫn thiết kế” và các quy định hiện hành khác).

- Trang thiết bị: phải đáp ứng điều kiện chuyên môn theo quy định hiện hành (hiện nay đang theo quy định tại Quyết định số 437/QĐ-BYT ngày 20 tháng 02 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế).

1.2. Phòng khám: chi ưu đãi đối với địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn.

1.2.1. Loại hình, quy mô:

(a) Phòng khám chuyên khoa; phòng chẩn trị y học cổ truyền

(b) Phòng khám đa khoa (có từ 4 chuyên khoa trở lên) và tối thiểu có 10 giường lưu tại các địa bàn kinh tế xã hội khó khăn¹; phòng khám đa khoa (có từ 3 chuyên khoa trở lên) và tối thiểu 8 giường lưu tại các đại bàn kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

(c) Trung tâm tư vấn về sức khỏe và kế hoạch hóa gia đình: quy mô có từ 10 cán bộ làm việc 100% thời gian trở lên; riêng đối với các đơn vị tại Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng phải có từ 15 cán bộ làm việc 100% thời gian trở lên.

¹ Tương đương với phòng khám đa khoa khu vực tại các địa bàn miền núi, vùng sâu, vùng xa hiện nay.

- 1.2.2. Tiêu chí về các tiêu chuẩn đối với phòng khám bệnh: Thực hiện theo văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Khám bệnh chữa bệnh
- 1.3. Trung tâm tư vấn về sức khỏe và kế hoạch hóa gia đình; Phòng khám sức khỏe sinh sản - Kế hoạch hóa gia đình: Quy mô có từ 10 cán bộ làm việc 100 % thời gian trở lên; riêng đối với các đơn vị tại Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng; Đà Nẵng phải có từ 15 cán bộ làm việc 100% thời gian trở lên.

Tiêu chí về các tiêu chuẩn: Thực hiện theo các văn bản hướng dẫn của Bộ Y tế.

- 1.4: Cơ sở cung cấp dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa trang thiết bị y tế; cơ sở cung cấp dịch vụ kiểm tra kiểm chuẩn trang thiết bị y tế. Tiêu chí về quy mô và các tiêu chuẩn: Thực hiện theo các văn bản hướng dẫn của Bộ Y tế.

2. Các cơ sở y tế dự phòng

2.1. Loại hình, quy mô:

- (a) Cơ sở cung cấp dịch vụ tiêm phòng ở ngoài; dịch vụ xét nghiệm, kiểm nghiệm thuộc lĩnh vực y tế dự phòng: quy mô có từ 10 cán bộ làm việc 100% thời gian trở lên; riêng đối với các đơn vị tại Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng phải có từ 15 cán bộ làm việc 100% thời gian trở lên.
 - (b) Cơ sở cung cấp dịch vụ phun hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế; cơ sở cung cấp dịch vụ đo kiểm tra môi trường lao động, cơ sở cung cấp dịch vụ quan trắc và phân tích môi trường y tế; dịch vụ tư vấn phòng bệnh; dịch vụ tư vấn vệ sinh môi trường; dịch vụ thông tin và giáo dục sức khỏe: quy mô có từ 5 cán bộ làm việc 100 % thời gian trở lên; riêng đối với các đơn vị tại Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng phải có từ 10 cán bộ làm việc 100% thời gian trở lên.
 - (c) Cơ sở tư vấn, chăm sóc và hỗ trợ cho người nhiễm HIV/AIDS; Tư vấn xét nghiệm HIV tự nguyện và các dịch vụ trong phòng chống HIV/AIDS; Xét nghiệm phát hiện HIV; Xét nghiệm thực hiện kỹ thuật sinh học phân tử; Tư vấn về phòng, chống HIV/AIDS: quy mô có từ 10 cán bộ làm việc 100 % thời gian trở lên; riêng đối với các đơn vị tại Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng phải có từ 15 cán bộ làm việc 100% thời gian trở lên.
- 2.2. Tiêu chí về tiêu chuẩn đối với cơ sở y tế dự phòng: theo tiêu chí và tiêu chuẩn do cấp có thẩm quyền ban hành đối với từng loại hình hoạt động.

3. Vệ sinh an toàn thực phẩm, dược và mỹ phẩm:

3.1. Loại hình, quy mô:

- (a) Cơ sở cung cấp dịch vụ xét nghiệm, kiểm nghiệm vệ sinh an toàn thực phẩm; quy mô có từ 10 cán bộ làm việc 100% thời gian trở lên; riêng đối với các đơn vị tại Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng phải có từ 15 cán bộ làm việc 100% thời gian trở lên.
 - (b) Cơ sở cung cấp dịch vụ kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm và sinh phẩm y tế; đánh giá sinh khả dụng và tương đương sinh học: quy mô có từ 10 cán bộ làm việc 100% thời gian trở lên; riêng đối với các đơn vị tại Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng phải có từ 15 cán bộ làm việc 100% thời gian trở lên.
- 3.2. Tiêu chí về tiêu chuẩn đối với cơ sở cung cấp dịch vụ xét nghiệm, kiểm nghiệm: theo tiêu chí và tiêu chuẩn do cấp có thẩm quyền ban hành.

B. MỨC ĐỘ ƯU ĐÃI VỀ THUẾ CỦA CÁC LOẠI HÌNH DỊCH VỤ PHỤ TRỢ TRONG CÁC CƠ SỞ Y TẾ.

1. Cơ sở dịch vụ giặt là, vệ sinh nằm trong khuôn viên của bệnh viện.
2. Cơ sở dịch vụ ăn, uống nằm trong khuôn viên của bệnh viện.
3. Cơ sở dịch vụ cung ứng thuốc nằm trong khuôn viên của bệnh viện.
4. Cơ sở dịch vụ vận chuyển bệnh nhân.
5. Cơ sở dịch vụ nhà nghỉ cho người nhà bệnh nhân nằm trong khuôn viên của bệnh viện.

IV. DANH MỤC LOẠI HÌNH, TIÊU CHÍ QUY MÔ, TIÊU CHUẨN CỦA CÁC CƠ SỞ THỰC HIỆN XÃ HỘI HÓA TRONG LĨNH VỰC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

A. LĨNH VỰC VĂN HÓA

STT	Danh mục các loại hình xã hội hóa (cơ sở xã hội hóa)	Tiêu chí về quy mô	Tiêu chuẩn chất lượng
1	Di sản văn hóa		
1.1	Bảo tàng ngoài công lập	+ Mở cửa thường xuyên phục vụ khách tham quan tối thiểu 5 ngày/tuần.	+ Được thành lập và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. + Có sưu tập hiện vật phù hợp với nội dung, hoạt động của bảo tàng. + Có nhà bảo tàng và trang thiết bị kỹ thuật bảo đảm cho bảo quản và trưng bày. + Có đội ngũ cán bộ và nhân viên am hiểu chuyên môn nghiệp vụ bảo tàng. Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp. + Mở cửa thường xuyên phục vụ công chúng, tổ chức các hoạt động văn hóa, dịch vụ phục vụ cộng đồng phù hợp với nội dung hoạt động, có hiệu quả và theo đúng quy định của pháp luật.
1.2	Cơ sở bảo tồn và hành nghề truyền thống	+ Đội ngũ lao động thực hành nghề truyền thống từ 5 người trở lên, trong đó ít nhất có 01 nghệ nhân. Có số người học nghề từ 5 người trở lên.	+ Được công nhận về mặt pháp lý và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. + Có nghệ nhân nắm vững kỹ năng và bí quyết nghề nghiệp,

STT	Danh mục các loại hình xã hội hóa (cơ sở xã hội hóa)	Tiêu chí về quy mô	Tiêu chuẩn chất lượng
1.3	Cơ sở trình diễn/ diễn xướng dân gian	<ul style="list-style-type: none"> + Diện tích nhà xướng, nơi trưng bày, giới thiệu sản phẩm tối thiểu là 100 m², đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh môi trường. 	<ul style="list-style-type: none"> có kinh nghiệm truyền dạy nghệ truyền thống. Có đội ngũ lao động thành thạo các kỹ năng. kỹ thuật của nghệ truyền thống. + Người đứng đầu đơn vị phải hiểu biết về nghệ, có năng lực quản lý và tổ chức thực hành và truyền dạy nghệ truyền thống. + Có không gian, diện tích nhà xướng, nơi trưng bày, giới thiệu sản phẩm. + Các sản phẩm được cấp giấy chứng nhận hoặc công nhận của cơ quan có thẩm quyền về chất lượng và giá trị văn hóa truyền thống. + Tuân thủ quy tắc đạo đức nghề nghiệp. Đảm bảo tính độc lập, tự chủ và sáng tạo của nghệ nhân.
1.4	Cơ sở tổ chức thi công bảo quản tu bổ và phục hồi di tích	<ul style="list-style-type: none"> 1. Về nguồn nhân lực: <ul style="list-style-type: none"> - Phải có tối thiểu từ 3 kiến trúc sư hoặc kỹ sư xây dựng và 01 Kỹ sư hóa bảo quản trở lên. - Đội ngũ thợ lành nghề: + Phải có ít nhất 05 nhân công bậc cao theo đúng ngành nghề đăng ký (nghề mộc, ngà, sơn thếp, hóa bảo quản...) 	<ul style="list-style-type: none"> + Được công nhận về mặt pháp lý và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. + Người đứng đầu đơn vị phải hiểu biết về nghệ, có năng lực quản lý và tổ chức hoạt động thực hành trình diễn. Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp. + Có đội ngũ những người thực hành diễn xướng dân gian. Có nghệ nhân nắm giữ bí quyết, kỹ năng, kỹ thuật và thực hành diễn xướng dân gian. + Có địa điểm để luyện tập, truyền đạt và trình diễn cho công chúng.

STT	Danh mục các loại hình xã hội hóa (cơ sở xã hội hóa)	Tiêu chí về quy mô	Tiêu chuẩn chất lượng
1.5	Cơ sở nghiên cứu và đào tạo về bảo tồn di sản văn hóa	<p>+ Có danh sách cam kết tham gia thi công hàng năm của đội ngũ nghệ nhân và thợ lành nghề về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.</p> <p>2. Quy định về kinh nghiệm thi công:</p> <p>- Phải có giấy chứng nhận đủ điều kiện, hành nghề do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp.</p> <p>- Đã từng tham gia thi công tối thiểu từ hai công trình di tích trở lên.</p> <p>3. Quy định về điều kiện cơ sở vật chất:</p> <p>- Phải có văn phòng làm việc và lưu trữ hồ sơ.</p> <p>Có nhà xưởng để thiết bị máy móc và vật liệu xây dựng.</p> <p>- Phải có tối thiểu các thiết bị máy móc sau: + 01 máy chụp ảnh chụp phim, 01 máy đo đặc; + Máy đo độ rỗng, độ mục của gỗ; thiết bị làm sách (thiết bị xi khô, thiết bị phun điều chỉnh áp lực...); máy hút chân không phục vụ việc bảo quản cấu kiện gỗ; một số thiết bị gia công gỗ cần thiết như máy cưa, máy bào... + Phương tiện vận chuyển cán bộ và thiết bị thi công</p>	<p>- Kiến trúc sư, kỹ sư xây dựng phải có chứng chỉ hành nghề do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp. Ngoài ra phải có chứng chỉ tham dự các khóa học về nghệ truyền thống phù hợp với ngành nghề đăng ký của công ty</p> <p>- Công trình tu bổ di tích được tính bằng toàn bộ công việc thực hiện của một dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi của một di tích được chủ đầu tư phê duyệt</p>
		<p>- Có tối thiểu 5 nghiên cứu viên, 10 giảng viên và công tác viên trong lĩnh vực bảo tồn di sản văn hóa.</p> <p>* Đối với Phòng quản lý di tích:</p> <p>- Phải có giáo trình, bài giảng, sách cho học viên và chương trình đào tạo bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích cụ thể được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.</p> <p>- Phải có danh sách giáo viên và công tác viên</p>	<p>- Được thành lập và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.</p> <p>- Người đứng đầu cơ sở phải có kinh nghiệm trong lĩnh vực bảo tồn, có năng lực quản lý và tổ chức điều hành hoạt động của cơ sở theo quy định của pháp luật.</p> <p>- Cơ sở vật chất và trang thiết bị phù hợp với việc nghiên cứu và đào tạo về bảo tồn di sản.</p>

STT	Danh mục các loại hình xã hội hóa (cơ sở xã hội hóa)	Tiêu chí về quy mô	Tiêu chuẩn chất lượng
		<p>giảng dạy am hiểu lĩnh vực bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Danh sách giáo viên hoặc công tác viên giảng dạy phải được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận. Khuyến khích mời nghệ nhân tham gia đào tạo về ngành nghệ truyền thống</p> <p>- Cơ sở đào tạo phải có đủ diện tích cho học viên học tập, thực hành theo từng nội dung học tập. Phải có xưởng thực hành với đủ trang thiết bị giảng dạy và thực hành hiện đại.</p>	<p>- Có đội ngũ nghiên cứu viên và giảng dạy đạt tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật</p>
2.	Điện ảnh		
2.1	- Cơ sở sản xuất phim	+ Sản xuất ít nhất 1 phim/năm	+ 50% phim sản xuất được đạt bậc II trở lên.
2.2	- Cơ sở dịch vụ sản xuất phim	+ Cung cấp ít nhất 1 dịch vụ sản xuất phim/năm	+ Cung cấp đủ phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật, bối cảnh và nhân lực cho việc sản xuất phim.
2.3	- Cơ sở xuất khẩu phim	+ Thực hiện ít nhất 2 phim/năm	+ 50% phim xuất khẩu đạt loại khá (bậc II) trở lên.
2.4	- Cơ sở chiếu phim và video	+ Thực hiện ít nhất 60 buổi chiếu/năm	- Bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật của rạp chiếu phim theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
3.	Nghệ thuật biểu diễn		
3.1	<p>- Các đơn vị nghệ thuật sân khấu (Tuồng, Chèo, Cải lương, Múa rối, Xiếc, Kịch, Dân ca) và các đơn vị nghệ thuật Ca - Múa - Nhạc dân tộc, Giao hưởng hợp</p>	<p>+ Có đội ngũ diễn viên ổn định (hợp đồng dài hạn) tối thiểu là 10 người (đối với đơn vị loại hình ca múa nhạc); trong đó tối thiểu 70% diễn viên đã được đào tạo tại các cơ sở đào tạo nghệ thuật chuyên nghiệp hoặc đạt giải thưởng tại các cuộc thi về nghệ thuật biểu diễn không chuyên cấp Bộ, ngành.</p>	<p>+ Có đủ trang thiết bị âm thanh, ánh sáng phục vụ biểu diễn trong nhà cũng như ngoài trời.</p> <p>+ Có tối thiểu 03 năm hoạt động biểu diễn và tổ chức biểu diễn chuyên nghiệp.</p> <p>+ Có tối thiểu là 200 buổi biểu diễn (trong 03 năm), mỗi buổi có thời lượng tối thiểu 60 phút.</p> <p>+ Có tối thiểu 05 vở diễn hoặc 05 chương trình nghệ thuật đã</p>

STT	Danh mục các loại hình xã hội hóa (cơ sở xã hội hóa)	Tiêu chí về quy mô	Tiêu chuẩn chất lượng
	<p>Xướng Opera, Balê.</p>	<p>+ Lãnh đạo đơn vị phải có tối thiểu 01 người có trình độ từ trung cấp trở lên về chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn hoặc là hội viên các Hội Nhạc sĩ, Hội Nghệ sĩ múa hoặc Hội Nghệ sĩ sân khấu.</p> <p>+ Tổng diện tích trụ sở làm việc, luyện tập tối thiểu 200 m² (đôi với khu vực thành phố), tối thiểu 300 m² (đôi với khu vực khác).</p>	<p>được Cục Nghệ thuật biểu diễn hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp phép công diễn.</p>
4	<p>Văn hóa cơ sở</p>		
4.1	<p>- Trung tâm văn hóa ngoài công lập cấp xã</p>	<p>+ Thực hiện xã hội hóa, góp vốn, huy động vốn theo quy định của pháp luật.</p> <p>+ Có diện tích đất tối thiểu: cấp huyện là 2.500 m², cấp xã 1.000 m²</p> <p>+ Địa phương có quy hoạch</p>	<p>+ Theo quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành (Thông tư số 12/2010/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)</p> <p>+ Nâng cấp về cơ sở vật chất, trang thiết bị và mở rộng loại hình hoạt động, đối tượng phục vụ.</p>
4.2	<p>Khu văn hóa đa năng ngoài công lập</p>	<p>+ Hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, dự án độc lập.</p> <p>+ Có diện tích đất tối thiểu là 2.500 m²</p> <p>+ Địa phương có quy hoạch.</p>	<p>+ Tổ chức nhiều loại hình văn hóa các dịch vụ văn hóa thể thao, thương mại, du lịch, vui chơi giải trí công nghệ cao, phục vụ theo nhu cầu của các nhóm đối tượng, đặc biệt là trẻ em.</p>
4.3	<p>- Nhà văn hóa ngoài công lập hoạt động ở nông thôn</p>	<p>+ Phạm vi hoạt động cấp xã hoặc cấp vùng.</p> <p>+ Có diện tích tối thiểu nhà 200m², đất 2.000m²</p> <p>+ Địa phương có quy hoạch.</p>	<p>+ Có 03 lao động quản lý thường xuyên.</p> <p>+ Có số buổi hoạt động tối thiểu 120 buổi/năm</p>
4.4	<p>- Nhà văn hóa ngoài công lập hoạt động khu vực quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh</p>	<p>+ Phạm vi hoạt động cấp xã hoặc cấp vùng.</p> <p>+ Có diện tích tối thiểu nhà 250m², đất 5.000m²</p> <p>+ Địa phương có quy hoạch.</p>	<p>+ Theo quy định tiêu chí chi của Trung tâm Văn hóa - Thể thao quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành (Thông tư số 11/2010/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)</p>

STT	Danh mục các loại hình xã hội hóa (cơ sở xã hội hóa)	Tiêu chí về quy mô	Tiêu chuẩn chất lượng
4.5	- Nhà văn hóa ngoài công lập hoạt động ở các quận, thành phố	+ Phục vụ hoạt động cấp xã hoặc cấp vùng. + Có diện tích tối thiểu nhà 150m ² , đất 1.000 m ² + Địa phương có quy hoạch	+ Có 03 lao động quản lý thường xuyên. + Có số buổi hoạt động tối thiểu 120 buổi/năm
5	Mỹ thuật nhiếp ảnh và Triển lãm		
5.1	Bảo tàng Mỹ thuật ngoài công lập	+ Diện tích tối thiểu 300 m ² bao gồm diện tích trưng bày, khuôn viên, kho tàng, khu phụ trợ.	- Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. - Có tối thiểu 200 tác phẩm nghệ thuật đạt chất lượng nghệ thuật cao được Hội đồng nghệ thuật chuyên ngành thẩm định. + Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. + Có tối thiểu 50 tác phẩm chất liệu bền vững đạt chất lượng nghệ thuật cao được Hội đồng nghệ thuật chuyên ngành thẩm định.
5.2	Vườn tương	+ Diện tích tối thiểu 3.000 m ² bao gồm diện tích trưng bày, khuôn viên, khu phụ trợ.	+ Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. + Có giấy phép của cơ quan văn hóa, thể thao và du lịch.
5.3	- Trung tâm bảo tồn, phát triển mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm văn hóa nghệ thuật	+ Diện tích tối thiểu 350 m ²	+ Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. + Có giấy phép của cơ quan văn hóa, thể thao và du lịch.
5.4	Bảo tàng Nhiếp ảnh ngoài công lập	Diện tích tối thiểu 250m ² bao gồm diện tích trưng bày, khuôn viên, kho tàng, khu phụ trợ	- Được cấp có thẩm quyền phê duyệt - Có tối thiểu 300 tác phẩm đạt chất lượng nghệ thuật được Hội đồng nghệ thuật chuyên ngành thẩm định
6	Thư viện		
6.1	- Thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	+ Số lượng bản sách ít nhất 500 bản. + Tên ấn phẩm định kỳ (báo, tạp chí) ít nhất 1 tên.	+ Thư viện được thành lập theo Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Phòng Văn hóa thông tin cấp huyện hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (nơi thư viện đặt trụ sở) cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thư viện.

STT	Danh mục các loại hình xã hội hóa (cơ sở xã hội hóa)	Tiêu chí về quy mô	Tiêu chuẩn chất lượng
		<ul style="list-style-type: none"> + Kho: Đáp ứng yêu cầu lưu giữ vốn tài liệu hiện có và vốn tài liệu sẽ phát triển sau 3 - 5 năm với diện tích 1,5 m²/01 đơn vị tài liệu. + Số chỗ ngồi đọc tối thiểu: 10 chỗ với diện tích 1,0 m²/01 chỗ ngồi đọc. + Trang thiết bị chuyên dùng: có đủ giá sách để lưu giữ số sách, báo hiện có; bàn ghế cho người đọc; hộp mục lục hoặc bản danh mục tài liệu của thư viện. 	

B. LINH VỰC THỂ DỤC THỂ THAO

STT	Danh mục các loại hình xã hội hóa (cơ sở xã hội hóa)	Tiêu chí về quy mô	Tiêu chuẩn chất lượng
1	<p>Cơ sở đào tạo, huấn luyện vận động viên thể thao (năng khiếu và thành tích cao)</p>	<ul style="list-style-type: none"> + Diện tích tối thiểu 200 m² đối với cơ sở trong nhà, 1000 m² đối với cơ sở ngoài trời. + Quy mô đào tạo tối thiểu 20 vận động viên/năm. 	<ul style="list-style-type: none"> + Được thành lập theo quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. + Có hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ tập luyện thể thao. + Có nguồn kinh phí đảm bảo hoạt động. + Có đội ngũ cán bộ quản lý, huấn luyện viên, hướng dẫn viên được cấp chứng chỉ. + Có dịch vụ chăm sóc sức khỏe, chữa trị chấn thương, đảm bảo an toàn cho vận động viên trong quá trình tập luyện. + Có các dịch vụ hậu cần phục vụ vận động viên. + Có lớp học văn hóa hoặc phối hợp với các trường phổ thông đảm bảo học văn hóa cho vận động viên.
2.	Sân thể thao, bao	+ Diện tích tối thiểu 100 m ² đối với sân tập	+ Được thành lập theo quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

STT	Danh mục các loại hình xã hội hóa (cơ sở xã hội hóa)	Tiêu chí về quy mô	Tiêu chuẩn chất lượng
3	Bể bơi, bể nhảy cầu, bể vầy, bể hỗn hợp, cầu lạc bộ bơi lội, cầu lạc bộ thể thao dưới nước	<ul style="list-style-type: none"> Loại nhỏ: 500 m² đối với sân tập loại trung bình trở lên. Quy mô thiết kế, xây dựng đáp ứng quy định tại tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam TCXDVN 287-2004 	<ul style="list-style-type: none"> Có ban quản lý chịu trách nhiệm quản lý, duy tu, bảo quản, vận hành sân vận động. Có đội ngũ nhân viên chuyên môn được cấp chứng chỉ. Có các dịch vụ phục vụ tập luyện, thi đấu thể thao tại địa phương. Đáp ứng các quy định về an toàn, phòng chống cháy, nổ và vệ sinh môi trường. Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
4	Nhà tập luyện thể thao	<ul style="list-style-type: none"> Diện tích tối thiểu 400 m². Quy mô thiết kế, xây dựng đáp ứng quy định tại tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam TCXDVN 288-2004. 	<ul style="list-style-type: none"> Có ban quản lý và đội ngũ nhân viên được đào tạo, cấp chứng chỉ chuyên môn. Trang thiết bị phục vụ tập luyện đáp ứng các tiêu chuẩn chuyên môn của từng môn do liên đoàn, hiệp hội thể thao quốc gia quy định. Có các hạng mục phụ trợ (phòng vệ sinh, phòng thay quần áo...) Tổ chức các hoạt động thể dục thể thao phục vụ cộng đồng. Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

STT	Danh mục các loại hình xã hội hóa (cơ sở xã hội hóa)	Tiêu chí về quy mô	Tiêu chuẩn chất lượng
5	Liên đoàn, hiệp hội thể thao	<ul style="list-style-type: none"> + Cấp quốc gia, cấp ngành hoặc cấp tỉnh, thành phố. + Thành lập và hoạt động theo quy định tại các Điều 70 và 71 của Luật Thể dục, thể thao 	<ul style="list-style-type: none"> + Được thành lập theo quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. + Có bộ máy tổ chức, trụ sở và kinh phí hoạt động theo quy định hiện hành.
6	Câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> + Thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều 11 của Luật Thể dục, thể thao và các quy định pháp luật liên quan. 	<ul style="list-style-type: none"> + Được thành lập theo quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; được cấp chứng nhận hoạt động theo quy định tại điều 51, Luật Thể dục, thể thao. + Có trụ sở hoạt động và hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ tập luyện, tổ chức thi đấu đáp ứng các tiêu chuẩn chuyên môn do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Liên đoàn, Hiệp hội thể thao quốc gia liên quan quy định. + Có ban điều hành câu lạc bộ và đội ngũ huấn luyện viên, hướng dẫn viên thể dục thể thao chuyên nghiệp, đội ngũ nhân viên y học, nhân viên phục vụ có chứng chỉ chuyên môn. + Có nguồn kinh phí đảm bảo hoạt động.
7	Đơn vị sản xuất dụng cụ thể dục thể thao	<ul style="list-style-type: none"> + Được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. + Sản xuất, cung ứng các dụng cụ, trang thiết bị thể dục thể thao phục vụ nhu cầu tiêu dùng trong nước. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng các quy định tại Điều 55, Luật Thể dục, thể thao và các quy định pháp luật liên quan. - Được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể dục thể thao.
8	Cơ sở lưu trú, ký túc xá của vận động viên thể thao	<ul style="list-style-type: none"> + Các cơ sở phải nằm trong khuôn viên của trung tâm thể thao, khu liên hợp thể thao và trực thuộc trung tâm thể thao, khu liên hiệp thể thao. + Có tối thiểu 10 phòng, 20 giường. 	<ul style="list-style-type: none"> + Có ban quản lý và đội ngũ cán bộ, nhân viên phục vụ, + Có các hạng mục phụ trợ phục vụ sinh hoạt của vận động viên, + Đảm bảo vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm (nếu có tổ chức dịch vụ ăn uống đối với vận động viên), + Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

V. DANH MỤC LOẠI HÌNH, TIÊU CHÍ QUY MÔ, TIÊU CHUẨN CÁC CƠ SỞ THỰC HIỆN XÃ HỘI HÓA TRONG LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG.

STT	Loại hình nghề nghiệp	Quy mô theo yêu cầu thực tiễn hiện nay	Tiêu chuẩn cán bộ	Nhu cầu cấp đất	Yêu cầu về cơ sở vật chất, năng lực, công nghệ của cơ sở	Ghi chú
1	Cơ sở thu gom, vận chuyển rác thải	Theo quy hoạch quản lý chất thải đã được cơ quan chức năng có thẩm quyền phê duyệt	Phụ trách về môi trường của cơ sở và vị trí chủ chốt phải có trình độ đại học (hoặc tương đương) các ngành xây dựng, công nghệ môi trường, kinh tế môi trường, quản lý môi trường và khoa học môi trường.	<ul style="list-style-type: none"> - Phải căn cứ vào hiện trạng sử dụng đất và quy hoạch, kế hoạch phát triển của cơ sở ở địa phương. (1) 	<ul style="list-style-type: none"> - Đã được cấp phép về đầu tư theo quy định của pháp luật; năng lực về công nghệ đã được đăng ký do cấp có thẩm quyền phê duyệt và có năng lực về tài chính; - Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc bản cam kết bảo vệ môi trường theo quy định tại Nghị định quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn có liên quan. - Đã đi vào hoạt động, được cơ quan chức năng có thẩm quyền xác nhận đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật địa phương. 	(1) Thông tư số 05/2007/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn các trường hợp được ưu đãi về sử dụng đất và việc quản lý đất đai đối với các cơ sở giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa, thể dục - thể thao, khoa học - công nghệ, môi trường, xã hội, dân số, gia đình, bảo vệ và chăm sóc trẻ em
2	Cơ sở xử lý rác thải	Theo quy hoạch quản lý chất thải đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt	Phụ trách về môi trường của cơ sở và vị trí chủ chốt phải có trình độ đại học (hoặc tương đương) các	<ul style="list-style-type: none"> - Phải căn cứ vào hiện trạng sử dụng đất và quy hoạch, kế hoạch phát triển của cơ sở ở địa phương. (1) - Phải được xác định cụ 	<ul style="list-style-type: none"> - Đã được cấp phép về đầu tư theo quy định của pháp luật; năng lực về công nghệ đã được đăng ký do cấp có thẩm quyền phê duyệt và có năng lực về tài chính. - Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc bản cam kết bảo vệ môi trường theo 	

STT	Loại hình nghề nghiệp	Quy mô theo yêu cầu thực tiễn hiện nay	Tiêu chuẩn cán bộ	Nhu cầu cấp đất	Yêu cầu về cơ sở vật chất, năng lực, công nghệ của cơ sở	Ghi chú
3	Cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại (kể cả chất thải y tế)	Theo quy hoạch quản lý chất thải rắn nguy hại do cơ quan quản lý nhà nước ngành Xây dựng quy định, phê duyệt (2)	Phụ trách về môi trường của cơ sở và vị trí chủ chốt phải có trình độ đại học (hoặc tương đương) các ngành xây dựng, công nghệ môi trường, kinh tế môi trường, quản lý môi trường, khoa học môi trường, bác sĩ y tế cộng đồng.	- Phải căn cứ vào hiện trạng sử dụng đất và quy hoạch, kế hoạch phát triển của cơ sở ở địa phương. (1)	- Phải được xác định cụ thể cho từng công trình tiếp. (1)	(2) Thông tư số 13/2007/TT-BXD của Bộ Xây dựng ngày 31 tháng 12 năm 2007 hướng dẫn một số Điều của Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn.
4	Cơ sở xử lý chất thải nguy hại (kể cả chất thải y tế)	Theo quy hoạch quản lý chất thải rắn nguy hại do cơ quan quản lý nhà nước ngành Xây dựng quy định, phê duyệt (2)	Phụ trách về môi trường của cơ sở và vị trí chủ chốt phải có trình độ đại học (hoặc tương đương) các ngành xây dựng, công nghệ môi	- Phải căn cứ vào hiện trạng sử dụng đất và quy hoạch, kế hoạch phát triển của cơ sở ở địa phương. (1)	- Phải được xác định cụ thể cho từng công trình tiếp. (1)	- Dự điều kiện về đầu tư theo quy định của pháp luật; năng lực về công nghệ đã được đăng ký và cấp có thẩm quyền phê duyệt và có năng lực tài chính. - Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc bản cam kết bảo vệ môi trường theo quy định tại Nghị định quy định về đánh giá

STT	Loại hình nghề nghiệp	Quy mô theo yêu cầu thực tiễn hiện nay	Tiêu chuẩn cán bộ	Nhu cầu cấp đất	Yêu cầu về cơ sở vật chất, năng lực, công nghệ của cơ sở	Ghi chú
5	Cơ sở xử lý nước thải sinh hoạt tập trung	Phục vụ cho khu vực dân cư từ 50 hộ trở lên (hoặc các đối tượng - phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật); phù hợp với quy hoạch đã được cơ quan chức năng có thẩm quyền phê duyệt.	Phụ trách về môi trường của cơ sở và vị trí chủ chốt phải có trình độ kỹ sư (hoặc tương đương) các ngành: hóa, công nghệ môi trường, kinh tế môi trường, quản lý môi trường, xây dựng.	- Phải căn cứ vào hiện trạng sử dụng đất và quy hoạch, kế hoạch phát triển của cơ sở ở địa phương. (1) - Phải được xác định cụ thể cho từng công trình thuộc cơ sở quản lý và phải báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp (thông qua cơ quan Tài nguyên và Môi trường) và cơ quan quản lý của cấp trên trực tiếp. (1)	- Dù điều kiện về đầu tư theo yêu cầu của pháp luật; năng lực về công nghệ đã được đăng ký và cấp có thẩm quyền phê duyệt và có năng lực tài chính. - Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc bản cam kết bảo vệ môi trường theo quy định tại Nghị định quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn có liên quan. - Đã đi vào hoạt động, được cơ quan chức năng có thẩm quyền xác nhận đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật địa phương. - Cơ sở phải đảm bảo tính ổn định và thuận tiện khi khai thác, sử dụng.	
6	Cơ sở xử lý nước thải sinh hoạt quy mô nhỏ phân tán	Phục vụ cho khu vực dân cư đến 50 hộ gia đình (hoặc đối tượng sản xuất, kinh doanh, dịch vụ quy mô	Phụ trách về môi trường của cơ sở có trình độ kỹ sư, trung cấp (hoặc tương đương) các ngành: công nghệ	Căn cứ vào hiện trạng sử dụng đất và quy hoạch của cơ sở tại địa bàn.	- Dù điều kiện về đầu tư theo quy định của pháp luật; năng lực về công nghệ đã được đăng ký và cấp có thẩm quyền phê duyệt; - Cơ sở phải thực hiện cam kết bảo vệ môi trường theo quy định.	

STT	Loại hình nghề nghiệp	Quy mô theo yêu cầu thực tiễn hiện nay	Tiêu chuẩn cần bộ	Nhu cầu cấp đất	Yêu cầu về cơ sở vật chất, năng lực, công nghệ của cơ sở	Ghi chú
7	Cơ sở xây dựng hệ thống nhà vệ sinh công cộng tại các đô thị	Phù hợp với yêu cầu sinh hoạt và quy hoạch của cơ quan có thẩm quyền tại khu vực dân cư và cộng đồng.	Phụ trách về môi trường của cơ sở và vị trí chủ chốt phải có trình độ kỹ sư (hoặc tương đương) các ngành: xây dựng, công nghệ môi trường.	<ul style="list-style-type: none"> - Phải căn cứ vào hiện trạng sử dụng đất và quy hoạch, kế hoạch phát triển của cơ sở ở địa phương. (1) 	<ul style="list-style-type: none"> - Đủ điều kiện về đầu tư theo quy định của pháp luật; năng lực về công nghệ đã được đăng ký và cấp có thẩm quyền phê duyệt và có năng lực tài chính. - Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc bản cam kết bảo vệ môi trường theo quy định tại Nghị định quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn có liên quan. - Đã đi vào hoạt động, được cơ quan chức năng có thẩm quyền xác nhận đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật địa phương. - Bảo đảm các điều kiện vệ sinh trong sinh hoạt, trừ rác hợp vệ sinh. 	
8	Cơ sở sản xuất năng lượng tái tạo từ sức gió, ánh sáng mặt trời, thủy triều,	Theo quy hoạch quản lý của từng lĩnh vực đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.	Phụ trách về môi trường của cơ sở và vị trí chủ chốt phải có trình độ kỹ sư (hoặc tương đương), thuộc các ngành: công nghệ	<ul style="list-style-type: none"> - Phải căn cứ vào hiện trạng sử dụng đất và quy hoạch, kế hoạch phát triển của cơ sở ở địa phương. (1) - Phải được xác định cụ 	<ul style="list-style-type: none"> - Đủ điều kiện về đầu tư theo quy định của pháp luật; năng lực về công nghệ đã được đăng ký và cấp có thẩm quyền phê duyệt và có năng lực tài chính. - Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc bản cam kết bảo vệ môi trường theo 	

STT	Loại hình nghề nghiệp	Quy mô theo yêu cầu thực tiễn hiện nay	Tiêu chuẩn cán bộ	Nhu cầu cấp đất	Yêu cầu về cơ sở vật chất, năng lực, công nghệ của cơ sở	Ghi chú
9	Cơ sở hóa táng, điện táng	Phù hợp với quy hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.	Phụ trách về môi trường của cơ sở và vị trí chủ chốt phải có trình độ kỹ sư (hoặc tương đương) thuộc các ngành: hóa, vật lý sinh học, công nghệ môi trường, điện.	<ul style="list-style-type: none"> - Phải căn cứ vào hiện trạng sử dụng đất và quy hoạch, kế hoạch phát triển của cơ sở ở địa phương. (1) - Phải được xác định cụ thể cho từng công trình thuộc cơ sở quản lý và phải báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp (thông qua cơ quan Tài nguyên và Môi trường) và cơ quan quản lý của cấp trên trực tiếp. (1) 	<ul style="list-style-type: none"> - Dự điều kiện về đầu tư theo quy định của pháp luật; năng lực về công nghệ đã được đăng ký và cấp có thẩm quyền phê duyệt và có năng lực tài chính. - Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc bản cam kết bảo vệ môi trường theo quy định tại Nghị định quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn có liên quan. - Đã đi vào hoạt động, được cơ quan chức năng có thẩm quyền xác nhận đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật địa phương. 	
10	Cơ sở cung cấp nước sạch	Phù hợp với quy hoạch được cơ quan có thẩm	Phụ trách về môi trường của cơ sở và vị trí chủ chốt	<ul style="list-style-type: none"> - Phải căn cứ vào hiện trạng sử dụng đất và quy hoạch, kế hoạch phát 	<ul style="list-style-type: none"> - Dự điều kiện về đầu tư theo quy định của pháp luật; năng lực về công nghệ đã được đăng ký và cấp có thẩm quyền phê duyệt và - Cơ sở phải đảm bảo mỹ quan, độ bền vững, an toàn, tính ổn định, có các biện pháp xử lý nhanh, triệt để các sự cố về môi trường. 	

STT	Loại hình nghề nghiệp	Quy mô theo yêu cầu thực tiễn hiện nay	Tiêu chuẩn cán bộ	Nhu cầu cấp đất	Yêu cầu về cơ sở vật chất, năng lực, công nghệ của cơ sở	Ghi chú
11	Cơ sở quan trắc và phân tích môi trường	Quy mô vùng trở lên, phù hợp với quy hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt	Phụ trách về môi trường của cơ sở và vị trí chủ chốt phải có trình độ kỹ sư (hoặc tương đương) thuộc các ngành: hóa phân tích, địa chất, công nghệ môi trường, quản lý môi trường, khoa học môi trường.	<ul style="list-style-type: none"> - Phải căn cứ vào hiện trạng sử dụng đất và quy hoạch, kế hoạch phát triển của cơ sở ở địa phương. (1) - Phải được xác định cụ thể cho từng công trình thuộc cơ sở quản lý và phải báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp (thông qua cơ quan Tài nguyên và Môi trường) và cơ quan quản lý của cấp trên trực tiếp. (1) 	<ul style="list-style-type: none"> - Phải có năng lực về công nghệ đã được cấp đăng ký và cấp có thẩm quyền phê duyệt; bảo đảm năng lực về cán bộ, trang thiết bị kỹ thuật, năng lực về tài chính. - Có khả năng đo đạc, phân tích tất cả các thành phần môi trường cơ bản trong danh mục nhà nước quy định. 	
12	Cơ sở sản xuất ứng dụng sáng chế bảo vệ môi trường	Phù hợp với quy hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.	Phụ trách về môi trường của cơ sở và vị trí chủ chốt phải có trình độ kỹ sư (hoặc tương	<ul style="list-style-type: none"> - Phải căn cứ vào hiện trạng sử dụng đất và quy hoạch, kế hoạch phát triển của cơ sở ở địa phương. (1) 	<ul style="list-style-type: none"> - Phải có năng lực về công nghệ đã được cấp đăng ký và cấp có thẩm quyền phê duyệt và có năng lực tài chính. 	

STT	Loại hình nghề nghiệp	Quy mô theo yêu cầu thực tiễn hiện nay	Tiêu chuẩn cán bộ	Nhu cầu cấp đất	Yêu cầu về cơ sở vật chất, năng lực, công nghệ của cơ sở	Ghi chú
13	Cơ sở sản xuất trang thiết bị chuyên dùng quy mô nhỏ để xử lý (tái chế, tiêu hủy) các loại chất thải	Phù hợp với quy hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.	Phụ trách về môi trường của cơ sở và vị trí chủ chốt phải có trình độ kỹ sư (hoặc tương đương) các ngành: công nghệ môi trường, quản lý môi trường, kinh tế môi trường, khoa học môi trường, cơ khí, cơ điện tử, điện, vật lý.	<ul style="list-style-type: none"> - Phải căn cứ vào hiện trạng sử dụng đất và quy hoạch, kế hoạch phát triển của cơ sở ở địa phương. (1) 	<ul style="list-style-type: none"> - Dự điều kiện về đầu tư theo quy định của pháp luật; năng lực về công nghệ đã được đăng ký và cấp có thẩm quyền phê duyệt và có năng lực tài chính. - Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc bản cam kết bảo vệ môi trường theo quy định tại Nghị định quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn có liên quan. - Đã đi vào hoạt động, được cơ quan chức năng có thẩm quyền xác nhận đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật địa phương. 	
14	Cơ sở sản xuất trang thiết bị chuyên dùng quy mô nhỏ cho các hệ	Phù hợp với quy hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.	Phụ trách về môi trường của cơ sở và vị trí chủ chốt phải có trình độ kỹ sư (hoặc tương	<ul style="list-style-type: none"> - Phải căn cứ vào hiện trạng sử dụng đất và quy hoạch, kế hoạch phát triển của cơ sở ở địa phương. (1) 	<ul style="list-style-type: none"> - Dự điều kiện về đầu tư theo quy định của pháp luật; năng lực về công nghệ đã được đăng ký và cấp có thẩm quyền phê duyệt và có năng lực tài chính. - Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường 	

STT	Loại hình nghề nghiệp thống quan trắc môi trường	Quy mô theo yêu cầu thực tiễn hiện nay	Tiêu chuẩn cán bộ	Nhu cầu cấp đất	Yêu cầu về cơ sở vật chất, năng lực, công nghệ của cơ sở	Ghi chú
15	Cơ sở khác phục sự cố môi trường	Theo quy hoạch quản lý của từng lĩnh vực đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.	Phụ trách về môi trường của cơ sở và vị trí chủ chốt phải có trình độ kỹ sư (hoặc tương đương) thuộc các ngành: công nghệ môi trường, năng lượng, cơ khí, cơ điện tử, điện, vật lý, sinh học.	<ul style="list-style-type: none"> - Phải được xác định cụ thể cho từng công trình thuộc cơ sở quản lý và phải báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp (thông qua cơ quan Tài nguyên và Môi trường) và cơ quan quản lý của cấp trên trực tiếp. (1) 	<ul style="list-style-type: none"> - Phải được xác định cụ thể cho từng công trình thuộc cơ sở quản lý và phải báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp (thông qua cơ quan Tài nguyên và Môi trường) và cơ quan quản lý của cấp trên trực tiếp. (1) 	<ul style="list-style-type: none"> - Phải được xác định cụ thể cho từng công trình thuộc cơ sở quản lý và phải báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp (thông qua cơ quan Tài nguyên và Môi trường) và cơ quan quản lý của cấp trên trực tiếp. (1)
16	Dự án đầu tư xây dựng nhà tang lễ	Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành hướng dẫn rõ tiêu chí về phạm vi, quy mô, tiêu chuẩn của loại hình dự án xây dựng nhà tang lễ.			<ul style="list-style-type: none"> - Phải được xác định cụ thể cho từng công trình thuộc cơ sở quản lý và phải báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp (thông qua cơ quan Tài nguyên và Môi trường) và cơ quan quản lý của cấp trên trực tiếp. (1) 	<ul style="list-style-type: none"> - Phải được xác định cụ thể cho từng công trình thuộc cơ sở quản lý và phải báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp (thông qua cơ quan Tài nguyên và Môi trường) và cơ quan quản lý của cấp trên trực tiếp. (1)